

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Định nghĩa	3
Điều 3. Nguyên tắc CBTT	4
Điều 4. Ngôn ngữ CBTT	4
Điều 5. Phương tiện báo cáo, CBTT	4
Điều 6. Người thực hiện CBTT	5
Điều 7. Tạm hoãn CBTT	5
Điều 8. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo	5
CHƯƠNG II	5
CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
Điều 9. Các trường hợp CBTT	5
Điều 10. Quy trình báo cáo và CBTT	5
Điều 11. Cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước ..	7
CHƯƠNG III	7
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN	7
Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng quản trị	7
Điều 13. Trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền phê duyệt Nội Dung Yêu Cầu CBTT	8
Điều 14. Trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty	8
Điều 15. Trách nhiệm của Người thực hiện CBTT	8
Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán	8
Điều 17. Trách nhiệm của nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT	9
CHƯƠNG IV	9
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	9
Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	9
Điều 19. Điều khoản thi hành	9

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các vấn đề liên quan đến hoạt động CBTT của Công ty và một số chủ thể có liên quan theo quy định pháp luật, đồng thời quy định việc phối hợp giữa các cá nhân, đơn vị, bộ phận, phòng ban thuộc Công ty và các chủ thể liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ CBTT, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, minh bạch và kịp thời của thông tin công bố.

Để tránh hiểu nhầm, những thông tin mà Công ty cần CBTT theo Quy chế này bao gồm (i) những thông tin bắt buộc phải công bố theo quy định pháp luật, và (ii) những thông tin mà Công ty có nhu cầu công bố theo Quy định nội bộ.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các chủ thể sau:

- (a) Các cá nhân, đơn vị, bộ phận, phòng ban trong Công ty;
- (b) Văn phòng Hội đồng quản trị, Văn phòng Ban Giám đốc;
- (c) Người phụ trách quản trị công ty, Người thực hiện CBTT;
- (d) Chủ thể có thẩm quyền phê duyệt nội dung CBTT và chủ thể có thẩm quyền quyết định CBTT;
- (e) Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT; và
- (f) Cá nhân, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến hoạt động CBTT.

Điều 2. Định nghĩa

Trừ trường hợp được định nghĩa khác trong Quy chế này, các thuật ngữ viết hoa sẽ có nghĩa tương tự như đã được định nghĩa tại Điều lệ và Thông Tư 96.

- “**Quy chế này**” là Quy chế công bố thông tin này, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
- “**CBTT**” là công bố thông tin.
- “**Thông Tư 96**” là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tùy từng thời điểm.
- “**Đối tượng CBTT**” tại Quy chế này gồm Công ty và nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT.
- “**Người thực hiện CBTT**” là người đại diện Công ty thực hiện hoạt động CBTT như được quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.
- “**Nội Dung Yêu Cầu CBTT**” có nghĩa như được quy định tại điểm (a) Khoản 1 Điều 10 của Quy chế này.
- “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- “**Sở GDCK**” là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi chứng khoán của Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.
- “**Quy định nội bộ**” là các tài liệu nội bộ được ban hành để điều chỉnh các hoạt động của Công ty, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị

công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế này, các Quy chế quản lý nội bộ, các Quy định quản lý nội bộ và các tài liệu khác do Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc CBTT

- 3.1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.
- 3.2. Những thông tin cá nhân được quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông Tư 96 chỉ được CBTT khi cá nhân đó đồng ý.
- 3.3. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 3.4. Đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và Sở GDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

Điều 4. Ngôn ngữ CBTT

Ngôn ngữ CBTT là tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa nội dung CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung CBTT bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, CBTT

- 5.1. Phương tiện báo cáo, CBTT
 - (a) Đối tượng CBTT phải báo cáo, CBTT trên các phương tiện tương ứng được quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Thông Tư 96.
 - (b) Ngoài các phương tiện này, Công ty có thể báo cáo, CBTT trên các kênh, công cụ truyền thông của mình hoặc các phương tiện trực tuyến khác để bảo đảm thông tin được công bố đầy đủ, chính xác, minh bạch và kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan nhà nước.
- 5.2. Hình thức của tài liệu CBTT

Đối tượng CBTT có thể gửi tài liệu CBTT dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản, dữ liệu điện tử, có hình thức và định dạng đáp ứng yêu cầu của pháp luật hoặc hướng dẫn của Sở GDCK nơi tiếp nhận thông tin công bố.
- 5.3. Trang thông tin điện tử của Công ty

Trang thông tin điện tử của Công ty phải có các nội dung tối thiểu được quy định tại điểm (c) Khoản 2 Điều 7 của Thông Tư 96, và phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời bảo đảm nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- 5.4. Nghĩa vụ CBTT vào ngày nghỉ, ngày lễ

Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật,

 - (a) Công ty CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
 - (b) Các đối tượng CBTT khác CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 6. Người thực hiện CBTT

6.1. Người thực hiện CBTT của Công ty

Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua một (1) người đại diện theo pháp luật hoặc một (1) người được uỷ quyền CBTT của Công ty.

6.2. Người thực hiện CBTT của nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT

(a) Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc uỷ quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông Tư 96.

(b) Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo quy định pháp luật về CBTT và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 7. Tạm hoãn CBTT

Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng, nhưng phải CBTT ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng theo quy định tại Điều 8 của Thông Tư 96.

Điều 8. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo

Thông tin đã công bố, báo cáo phải được bảo quản và lưu giữ trong thời hạn được quy định tại Khoản 5 Điều 4 của Thông Tư 96.

CHƯƠNG II CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Các trường hợp CBTT

9.1. Công ty phải CBTT trong các trường hợp sau đây, trong thời hạn mà pháp luật quy định:

(a) CBTT định kỳ: khi xảy ra một trong các sự kiện được quy định tại Điều 10 và Điều 14 của Thông Tư 96.

(b) CBTT bất thường: khi xảy ra một trong các sự kiện được quy định tại Điều 11 và Điều 15 của Thông Tư 96.

(c) CBTT theo yêu cầu của UBCKNN hoặc Sở GDCK: khi xảy ra một trong các sự kiện được quy định tại Điều 12 của Thông Tư 96.

(d) CBTT về hoạt động khác của Công ty: khi xảy ra một trong các sự kiện được quy định tại Điều 13 và Điều 18 của Thông Tư 96.

9.2. Các đối tượng CBTT khác, bao gồm (i) cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, (ii) người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, và (iii) tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty: CBTT khi xảy ra sự kiện được quy định tại Điều 31, Điều 33 và Điều 35 của Thông Tư 96, trong thời hạn mà pháp luật quy định.

Điều 10. Quy trình báo cáo và CBTT

Quy trình báo cáo và CBTT của Công ty được quy định chi tiết tại Quy định nội bộ, gồm các công việc chính sau đây:

10.1. Tạo yêu cầu CBTT

- (a) Khi phát sinh các thông tin phải công bố, báo cáo theo quy định, tùy thuộc vào loại thông tin mà mình có quyền quản lý hoặc chịu trách nhiệm theo Quy định nội bộ, Văn phòng Ban Giám đốc hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị tạo tờ trình yêu cầu CBTT theo mẫu được quy định và cung cấp tài liệu đính kèm có liên quan (sau đây gọi chung là “**Nội Dung Yêu Cầu CBTT**”).
- (b) Văn phòng Ban Giám đốc và Văn phòng Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các cá nhân, bộ phận, đơn vị, phòng ban trong Công ty cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin và tài liệu có liên quan đến Nội Dung Yêu Cầu CBTT.
- (c) Nội Dung Yêu Cầu CBTT phải được trình bày nhất quán, theo chuẩn mực phổ biến và phù hợp với thông lệ thị trường.
- (d) Văn phòng Ban Giám đốc và Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm đối chiếu với Quy định nội bộ và quy định pháp luật để xác định Nội Dung Yêu Cầu CBTT đó có cần CBTT không, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của toàn bộ Nội Dung Yêu Cầu CBTT thuộc phạm vi quản lý hoặc chịu trách nhiệm của mình.
- (e) Người phụ trách quản trị công ty tiếp nhận Nội Dung Yêu Cầu CBTT từ Văn phòng Ban Giám đốc hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị, và (i) quyết định Nội Dung Yêu Cầu CBTT đó có cần CBTT không; (ii) kiểm tra hình thức và định dạng của Nội Dung Yêu Cầu CBTT; và (iii) yêu cầu chỉnh sửa hoặc bổ sung Nội Dung Yêu Cầu CBTT nếu thấy cần thiết.

10.2. Phê duyệt Nội Dung Yêu Cầu CBTT

Tổng Giám đốc phê duyệt tính chính xác và đầy đủ của Nội Dung Yêu Cầu CBTT của Văn phòng Ban Giám đốc, và người được Hội đồng quản trị phân quyền hoặc giao quyền phê duyệt tính chính xác và đầy đủ của Nội Dung Yêu Cầu CBTT của Văn phòng Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc và người được Hội đồng quản trị phân quyền hoặc giao quyền quyết định toàn bộ Nội Dung Yêu Cầu CBTT thuộc phạm vi quản lý hoặc chịu trách nhiệm của mình.

10.3. Quyết định CBTT

Người thực hiện CBTT sẽ quyết định Nội Dung Yêu Cầu CBTT đó có được CBTT hay không dựa trên tư vấn và đánh giá của Người phụ trách quản trị công ty.

10.4. Báo cáo và CBTT

Người phụ trách quản trị công ty hỗ trợ Người thực hiện CBTT thực hiện hoạt động báo cáo và CBTT theo quy định tại Quy chế này, Quy định nội bộ và quy định pháp luật.

10.5. Lưu giữ nội dung CBTT

Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm lập báo cáo các thông tin đã CBTT. Văn phòng Hội đồng quản trị lưu giữ bản chính và Văn phòng Ban Giám đốc lưu giữ bản sao của Nội Dung Yêu Cầu CBTT đã được phê duyệt và văn bản CBTT theo Quy định nội bộ.

10.6. Đính chính thông tin sai lệch đã CBTT

- (a) Khi phát hiện có sự sai lệch trong thông tin đã cung cấp, nhân viên, bộ phận, đơn vị, phòng ban của Công ty phải thông báo kèm theo bằng chứng về sự sai lệch hoặc báo cáo cho Người phụ trách quản trị công ty.
- (b) Người phụ trách quản trị công ty ngay lập tức báo cáo cho Người thực hiện CBTT, đồng thời yêu cầu Văn phòng Ban Giám đốc hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị, tùy thuộc vào thông tin sai lệch phát sinh từ bộ phận nào, kiểm tra tính xác thực của thông tin và đề xuất phương án xử lý (nếu có).
- (c) Việc đính chính thông tin sai lệch đã cung cấp và/hoặc CBTT lại sẽ được thực hiện tương tự quy trình từ Khoản 1 Điều 10 đến Khoản 6 Điều 10 của Quy chế này.

Điều 11. Cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước

11.1. Cung cấp thông tin từ Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước

Công ty cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và/hoặc cơ quan nhà nước, tạo điều kiện để các đối tượng này tiếp cận các thông tin cần thiết của Công ty theo Quy định nội bộ, trên cơ sở bình đẳng, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông khác của Công ty.

11.2. Chủ thể được quyền cung cấp thông tin

Hội đồng quản trị chỉ định người cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước phù hợp với Quy định nội bộ.

11.3. Những thông tin được cung cấp

Việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước, và phê duyệt nội dung thông tin được cung cấp được thực hiện theo Quy định nội bộ và quy định pháp luật.

11.4. Tiếp nhận và xử lý yêu cầu cung cấp thông tin

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ cổ đông, nhà đầu tư và/hoặc cơ quan nhà nước, Người phụ trách quản trị công ty ngay lập tức chuyển yêu cầu này đến các chủ thể có thẩm quyền xử lý theo Quy định nội bộ.

11.5. Đính chính thông tin sai lệch đã cung cấp

Việc đính chính thông tin sai lệch đã cung cấp được thực hiện tương tự quy trình tại Khoản 7 Điều 10 của Quy chế này.

11.6. Giám sát quá trình cung cấp thông tin

Hội đồng quản trị ban hành quy trình cụ thể về việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước, và giám sát việc thực hiện quy trình này.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị có các trách nhiệm sau:

- 12.1. Yêu cầu cá nhân, bộ phận, đơn vị, phòng ban có liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin cần báo cáo hoặc công bố theo Quy chế này và Quy định nội bộ.

- 12.2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về tính chính xác và đầy đủ của toàn bộ Nội Dung Yêu Cầu CBTT thuộc phạm vi quản lý hoặc chịu trách nhiệm của mình.
- 12.3. Kiểm tra, xác minh, chỉnh sửa, bổ sung và đính chính Nội Dung Yêu Cầu CBTT theo quy trình tại Điều 10 của Quy chế này.
- 12.4. Không tự cung cấp thông tin, hoặc nhân danh Công ty cung cấp hoặc CBTT dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Người thực hiện CBTT.
- 12.5. Hỗ trợ Người thực hiện CBTT trong hoạt động CBTT.
- 12.6. Các trách nhiệm khác liên quan đến hoạt động CBTT theo Quy chế này và Quy định nội bộ.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền phê duyệt Nội Dung Yêu Cầu CBTT

Chủ thể có thẩm quyền phê duyệt Nội Dung Yêu Cầu CBTT có các trách nhiệm sau:

- 13.1. Kiểm tra Nội Dung Yêu Cầu CBTT để bảo đảm tính chính xác và đầy đủ của Nội Dung Yêu Cầu CBTT.
- 13.2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của toàn bộ Nội Dung Yêu Cầu CBTT mà mình đã phê duyệt.
- 13.3. Các trách nhiệm khác liên quan đến hoạt động CBTT theo Quy chế này và Quy định nội bộ.

Điều 14. Trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có các trách nhiệm sau:

- 14.1. Đối chiếu Nội Dung Yêu Cầu CBTT với các quy định về CBTT để bảo đảm tính phù hợp và cần thiết của Nội Dung Yêu Cầu CBTT.
- 14.2. Tư vấn cho Người thực hiện CBTT về việc CBTT.
- 14.3. Giám sát hoạt động CBTT một cách độc lập và báo cáo Hội đồng quản trị theo Quy định nội bộ.
- 14.4. Bảo đảm quá trình CBTT được thực hiện đúng quy trình tại Điều 10 của Quy chế này và Quy định nội bộ.
- 14.5. Các trách nhiệm khác liên quan đến hoạt động CBTT theo Quy chế này và Quy định nội bộ.

Điều 15. Trách nhiệm của Người thực hiện CBTT

Người thực hiện CBTT có các trách nhiệm sau:

- 15.1. CBTT theo đúng trình tự và quy định tại Quy chế này và Quy định nội bộ.
- 15.2. Chịu trách nhiệm về quyết định công bố hoặc không công bố Nội Dung Yêu Cầu CBTT của mình.
- 15.3. Không nhân danh Công ty để CBTT dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp thực hiện các quy định tại Quy chế này và Quy định nội bộ.
- 15.4. Các trách nhiệm khác liên quan đến hoạt động CBTT theo Quy chế này và Quy định nội bộ.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán thực hiện các công việc sau đây theo sự phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị để giám sát hoạt động CBTT:

- 16.1. Đánh giá tính hiệu quả của Quy định này và quy trình CBTT.
- 16.2. Giám sát và đánh giá sự tuân thủ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong hoạt động CBTT.
- 16.3. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả giám sát và đánh giá đã thực hiện.
- 16.4. Các công việc khác theo sự phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT

Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT có các trách nhiệm sau:

- 17.1. CBTT theo quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật.
- 17.2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân đã ủy quyền cho Công ty CBTT phải (i) chủ động cung cấp thông tin cho Người phụ trách CBTT khi thuộc các trường hợp phải CBTT, và (ii) chịu toàn bộ trách nhiệm nếu cung cấp thông tin không đúng thời hạn, không đầy đủ và/hoặc không chính xác. Công ty và Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT tại Điều này sẽ thỏa thuận chi tiết bằng văn bản về việc cung cấp thông tin, trách nhiệm của mỗi bên và cơ chế xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm.
- 17.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về tính chính xác và đầy đủ của thông tin đã CBTT hoặc cung cấp cho Công ty để CBTT, tùy trường hợp cụ thể.
- 17.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty khi không tuân thủ đúng quy định về cung cấp thông tin hoặc CBTT theo Quy chế này và quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 18.1. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
- 18.2. Nếu pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến hoạt động CBTT mà Quy chế này chưa đề cập hoặc quy định khác với Quy chế này, các quy định đó đương nhiên được áp dụng; trong trường hợp Điều lệ có quy định khác thì Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 4 Chương, 19 Điều được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2025. Quy chế này thay thế và hủy bỏ Quy chế CBTT đã ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CAO THỊ NGỌC DUNG